ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500

KHU DÂN CƯ, NHÀ Ở CÔNG NHÂN VÀ DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP TÂN TRƯỜNG

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT XIN ĐIỀU CHỈNH

STT	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH THEO QH DUYỆT (M2)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH XIN ĐIỀU CHỈNH (M2)	TỶ LỆ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH	3717583.19		3717583.19	
	TRONG ĐÓ:				
A	DIỆN TÍCH ĐẤT KẾT NỐI HẠ TẦNG	764.39		764.39	764.39
B	DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH	3168788.83	100.00	3168788.83	100.00
1	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	225555.47	7.12	225555.47	7.12
1.1	ĐẤT CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ	7958.08	2.51	7958.08	2.51
1.2	ĐẤT GIÁO DỤC	14597.39	4.61	14597.39	4.61
2	ĐẤT Ở ĐẾN TẦNG THẤP	1018158.8	31.92	1018158.8	31.92
3	ĐẤT Ở BIỆT THỰ	50790.16	1.16	50790.16	1.16
STT	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)
	ĐẤT Ở NHÀ LIỀN KỀ MẶT TIỀN ≥5M	37597.80	0.37	42411.70	1.34
	ĐẤT Ở NHÀ LIỀN KỀ	749805.08	23.64	870679.28	27.47
	ĐẤT Ở NHÀ LIỀN KỀ CHO THUÊ	24235.68	0.77	24235.68	0.77
3	ĐẤT NHÀ Ở CÔNG NHÂN	446626.80	14.09	446626.80	14.09
4	ĐẤT HỖN HỢP DVTM	25611.05	0.81	25611.05	0.81
5	ĐẤT CÂY XANH MẶT NƯỚC	287784.29	9.08	287779.76	9.08
6	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	50868.65	1.61	50868.21	1.61
7	ĐẤT NGHĨA TRANG	48777.31	1.54	48777.31	1.54
8	ĐẤT GIAO THÔNG	1071168.93	33.81	1071168.93	33.81
8.1	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	94931.41	2.99	94931.47	2.99
8.2	ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG	977717.48	30.85	977717.48	30.85

BẢNG THỐNG KÊ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU CHỈNH

STT	CHỨC NĂNG	TÊN LÔ	DIỆN TÍCH (M2)	HSSDĐ (LẦN)	MKXD (%)	DIỆN TÍCH XD (M2)	TCTB (TẦNG)	DIỆN TÍCH SÀN (M2)
	TỔNG DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH		3717583.19					
	TRONG ĐÓ:							
A	DIỆN TÍCH ĐẤT KẾT NỐI HẠ TẦNG	HTGT	764.39					
B	DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH		3168788.83	1.17	26	1168778.48	7.35	2774918.43
1	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG		225555.47			7582.45		32687.35
1.1	ĐẤT CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ		7958.08			2183.23		8649.70
	TỔ DÂN PHỐ - CLB	CC1	292.77	1.8	40	117.11		210.53
	TỔ DÂN PHỐ - CLB	CC2	545.98	1.2	40	218.39		392.51
	TRUNG TÂM Y TẾ	CC3.1	850.41	1.2	40	340.16		1023.49
	CÔNG AN	CC3.2	981.24	1.2	40	392.50		1177.48
	NHÀ VĂN HÓA	CC3.3	975.5	1.2	40	390.20		1173.60
	TRỤ SỞ	CC3.4	1127.5	1.2	40	451.00		1353.00
	TỔ DÂN PHỐ - CLB	CC4	210	1.2	40	84.00		252.00
	CHỢ	CC5	2974.68	1.2	40	1189.87		3569.62
1.2	ĐẤT GIÁO DỤC		14597.39			4379.22		13137.65
	TRƯỜNG TIỂU HỌC	GD1.1	5998.37	0.9	30	1799.51		5398.53
	TRƯỜNG THCS	GD1.2	4734.62	0.9	30	1420.39		4261.18
STT	CHỨC NĂNG	TÊN LÔ	DIỆN TÍCH (M2)	HSSDĐ (LẦN)	MKXD (%)	DIỆN TÍCH XD (M2)	TCTB (TẦNG)	DIỆN TÍCH SÀN (M2)
	NHÀ TRẺ	GD2	3864.4	0.9	30	1159.32		3477.96
2	ĐẤT NHÀ Ở THẤP TẦNG		181135.8			83928.29		251785.18
	NHÀ BIỆT THỰ	BT1	3360	1.65	55	1848.00		3044
	NHÀ BIỆT THỰ	BT2	3430.18	1.65	55	1886.59		3113.88
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK1	4187.43	3.4	85	3559.32		14517.93
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK2	3908.06	3.4	85	3321.85		13553.06
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK3	2819.02	3.4	85	2396.17		9778.54
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK4	2066.14	3.4	85	1756.22		6268.66
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK5	2772.43	3.4	85	2356.57		8769.73
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK6	4880.85	3.4	85	4148.72		12446.17
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK7	2816.7	3.4	85	2394.20		8782.58
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK8	2852.7	3.4	85	2424.60		8774.39
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK9	3725.4	3.4	85	3166.59		10469.77
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK10	3179.48	3.4	85	2702.58		8197.87
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK11	2579.74	3.4	85	2192.77		6807.94
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK12	2079.05	3.4	85	1768.20		6208.86
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK13	2912.18	3.4	85	2475.35		8733.38
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK14	2715.5	3.4	85	2308.18		8024.53
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK15	2425.68	3.4	85	2061.83		7010.48
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK16	2022	3.4	85	1718.70		5108.10
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK17	2861.57	3.4	85	2431.33		8733.16
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK18	2643.5	3.4	85	2246.98		8074.63
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK19	4651.53	3.4	85	3953.80		13185.46
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK20	2576	3.4	85	2189.60		8368.80
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK21	3788.73	3.4	85	3220.42		13661.16
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK22	2576	3.4	85	2189.60		8368.80
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK23	1745.1	3.4	85	1483.34		4455.51
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK24	3162.31	3.4	85	2687.96		8063.89
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK25	586.62	3.4	85	498.63		1495.89
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK26	704.34	3.4	85	598.69		1796.07
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK27	2228.61	3.4	85	1894.32		6681.25
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK28	3069.5	3.4	85	2609.07		9217.47
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK29	3110.44	3.4	85	2643.87		9371.62
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK30	3086.69	3.4	85	2623.68		9281.04
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK31	2789.47	3.4	85	2371.05		8115.15
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK32	689.11	3.4	85	585.74		1737.23
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK33	669.7	3.4	85	569.25		1707.74
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK34	723	3.4	85	614.55		1844.65
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK35	703	3.4	85	597.55		1793.65
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK36	2641.91	3.4	85	2245.62		8078.97
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK37	662.6	3.4	85	563.21		1689.63
	NHÀ Ở LIỀN KỀ	LK38	662.6	3.4	85	563.21		1689.63
STT	CHỨC NĂNG	TÊN LÔ	DIỆN TÍCH (M2)	HSSDĐ (LẦN)	MKXD (%)	DIỆN TÍCH XD (M2)	TCTB (TẦNG)	DIỆN TÍCH SÀN (M2)
3	ĐẤT NHÀ Ở CÔNG NHÂN	NOCN	446626.8	2	40	178650.72	5	892253.6
4	ĐẤT HỖN HỢP DVTM	DVTM	25611.5	4.2	60	15366.90	7	76844.5
5	ĐẤT CÂY XANH MẶT NƯỚC		287779.76					
	CÂY XANH	CX1	2137.18					
	CÂY XANH	CX10	2824.9					
	CÂY XANH	CX12	928.94					
	CÂY XANH	CX11	1757.09					
	CÂY XANH CÁCH LY	CX2	6451.78					
	CÂY XANH CÁCH LY	CX3	2007.93					
	CÂY XANH	CX4	3238.39					
	CÂY XANH	CX5	2429.65					
	CÂY XANH	CX6	1418.98					
	CÂY XANH	CX7	657.99					
	CÂY XANH TDTT	CX8	3080.21					
	CÂY XANH	CX9	334.72					
6	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT		50868.65					
	HẠ TẦNG	HT	470.14					
	HẠ TẦNG CỘT ĐIỆN		50398.51					
7	ĐẤT NGHĨA TRANG	NT	48777.31					
8	ĐẤT GIAO THÔNG		1071168.93					
8.1	ĐẤT BÃI ĐỖ XE		94931.47					
	BÃI ĐỖ XE	ĐX	1892.05					
	BÃI ĐỖ XE	ĐX	2355.9					
	BÃI ĐỖ XE	ĐX	786.79					
	BÃI VỰC RÁC	ĐX	1244.01					
	BÃI ĐỖ XE	ĐX	1352.33					
	BÃI ĐỖ XE	ĐX	1830.39					
8.2	ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG		977717.46					

KÍ HIỆU Ô ĐẤT
DIỆN TÍCH Ô ĐẤT (M2)
CHỨC NĂNG ĐẤT
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)
TẦNG CAO TRUNG BÌNH (TẦNG)
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)

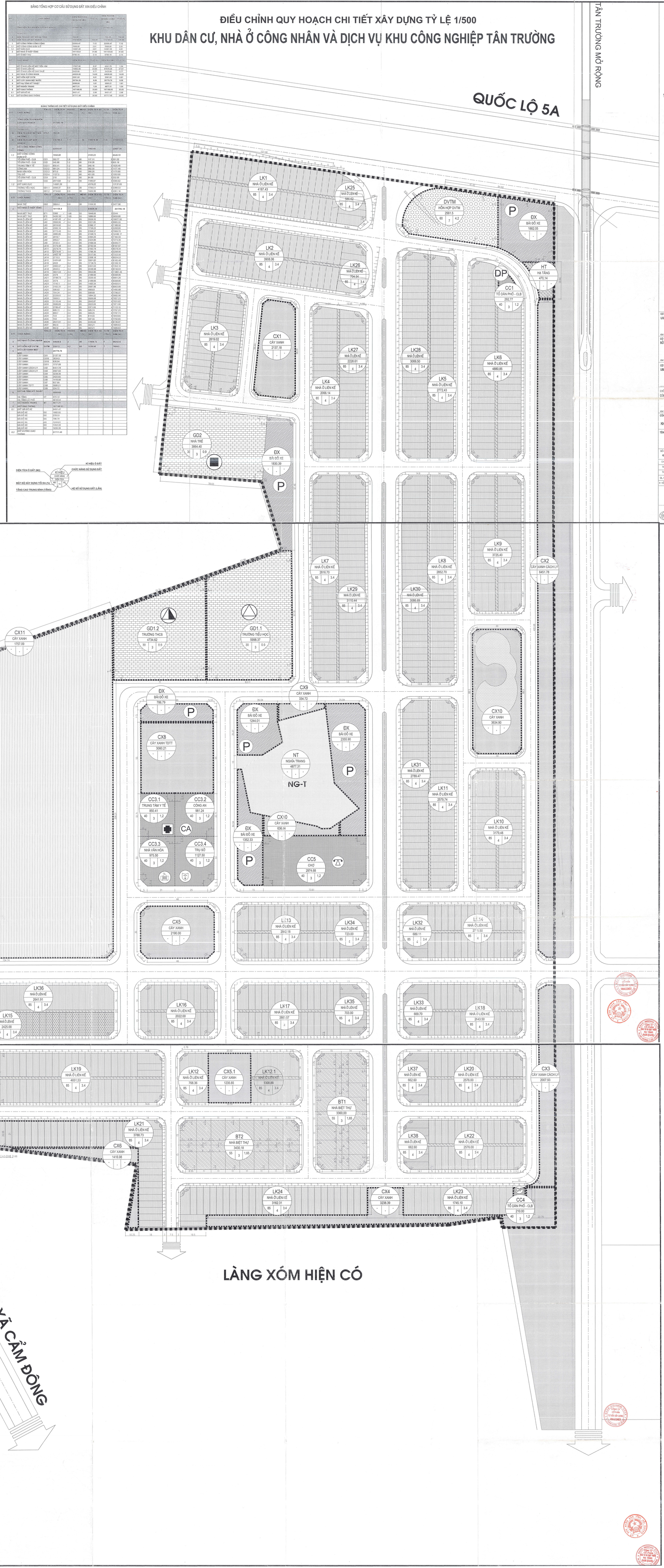

B

1cm 50(M)
0 5 10 15 20 25 40

Ghi chú:

- RANH GIỚI KHU ĐẤT QUY HOẠCH
- RANH GIỚI ĐẤT KẾT NỐI HẠ TẦNG
- ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ MẶT TIỀN > 7M
- ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ MẶT TIỀN 5M
- ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ CHO THUÊ
- ĐẤT NHÀ Ở BIỆT THỰ
- ĐẤT NHÀ Ở CÔNG NHÂN
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT TRƯỜNG HỌC
- ĐẤT CÔNG TRÌNH HỖN HỢP DVTM
- ĐẤT CÂY XANH, MẶT NƯỚC
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- NG-T NGHĨA TRANG
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- P BÃI ĐỖ XE
- NHÀ TRẺ, MẪU GIÁO
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- CA CÔNG AN PHƯỜNG
- DP TỔ DÂN PHỐ - CÂU LẠC BỘ
- CHỢ
- TRẠM Y TẾ, TRUNG TÂM Y TẾ
- NHÀ VĂN HÓA
- TRỤ SỞ UBND PHƯỜNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
CHỦ TỊCH NGUYỄN DƯƠNG THÁI

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: SỞ XÂY DỰNG TỈNH HẢI DƯƠNG
GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN THỌ

CƠ QUAN ĐỊA PHƯƠNG: UBND HUYỆN CẨM GIÀNG
PHÓ CHỦ TỊCH ĐỖ VĂN DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUANG
GIÁM ĐỐC TRẦN TRỌNG HẢI

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ, NHÀ Ở CÔNG NHÂN VÀ DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP TÂN TRƯỜNG HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

BỘ HIỆU BV	GHÉP	TỶ LỆ	HOÀN THÀNH
QH- 01	04- A0	1/500	01/2017

CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN NGỌC GIANG
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN NGỌC GIANG
THỂ HIỆN	KTS. ĐOÀN VŨ LONG
QL. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
P. TỔNG GIÁM ĐỐC	TÔ XUÂN MINH

TỔNG CÔNG TY CP XNK VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM - VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XD VINACONEX

ĐỊA CHỈ: DI KHUẤT DUY TIẾN - THANH XUÂN - HÀ NỘI
TEL: (84-4) 8544003 - FAX: (84-4) 8544003